

X. Viết câu dùng từ gợi ý (5pts):

1. I DO NOT WANT TO EAT ANYTHING BECAUSE I AM NOT HUNGRY.
2. HOW MUCH BEEF DO YOU WANT?
3. THUY AND HER FRIENDS ARE SKIPPING ROPE NOW.
4. PHONG GOES FISHING THREE TIMES A WEEK.
5. THERE IS A GARDEN BEHIND MY SCHOOL.

ĐỀ SỐ 31

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI TIẾNG ANH LỚP 6

PHÒNG GD & ĐT NGÂN SƠN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN

NĂM HỌC 2010 – 2011

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn : Tiếng Anh lớp 6

Đề kiểm tra có 03 trang

Thời gian làm bài : 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

(Thí sinh không làm bài vào đề kiểm tra này mà làm bài trên giấy kiểm tra)

I. Tìm một từ không cùng nhóm với các từ còn lại (1đ)

- | | | | |
|---------------|--------------|---------|-----------|
| 1. A.month | B.seventh | C.ninth | D.eighth |
| 2.A.geography | B. housework | C.math | D.English |
| 3.A.read | B. watch | C.book | D.write |

4.A.listening B.working C. playing D.morning

II. Viết từ trái nghĩa của những từ sau đây (1đ)

5.black

6.long

7.heavy

8.hungry

III. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc (2 đ)

9.Trang usually (listen)to the teacher in the class .

10. Nam (look) out of the window at the moment.

11.Where's your father ? He (be).....in the bathroom.

12.....your children (go).....to school by bus everyday?

13.There (be)many flowers in our garden.

14.Every day Mr.Hung (not drive)to work.

15. What is Mai (do)now?

16.We are tired and we'd like (sit)down.

IV. Mỗi câu sau có một lỗi sai , hãy sửa lại cho đúng(1,5 đ)

17.How much rice and how many beef do you want?

18.She'd like a dozen eggs and any vegetables.

19.Can you to go to the supermarket for me ,Hoa ?

20.We need eight hundred gram of beef.

21.What would you like buying at the canteen ?

22.There is a apple on the table.

V. Hoàn thành đoạn hội thoại sau đây (3 đ)

Lien : Hello, Mai (23).....everyday ?

Mai : I get up at a quarter to six

Lien : (24)morning ?

Mai : I play badminton.

Lien : (25).....half past six ?

Mai : No, I don't. I go to school at six thirty.

Lien : (26).....today ?

Mai : No, we don't. We have history on Tuesday and Saturday.

Lien : So (27).....?

Mai : We have English, geography and math.

Lien : (28).....go jogging ?

Mai : I always go jogging .

VI. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới (1,5đ)

Hello, I'm Trung.This is my school. It is small and old but it is beautiful .Behind the school , there is a large yard. After school in the afternoon we often play soccer there.The yard is clean and there are many trees and flowers. My friends and I sit under these trees every morning to review our lessons. My school has two floors and fifteen classrooms.My classroom is on the first floor. There are forty - three teachers in my school. They are good teachers. I love them and I love my school very much.

Questions :

29. Is Trung's school big ?

30. What is there behind Trung's school ?

31. What do Trung and his friends often play after school ?

32. Where do Trung and his friends sit every morning to review their lessons

33. Does his school have two floors ?

34. How many teachers are there in his school ?

VII. Điền một từ thích hợp vào chỗ trống (3 đ)

Today is Sunday. (35)..... is fine and warm.Mr Kien's family are (36).....at home.They are working in the house now.Mr Kien is cleaning the doors and windows.Nam is helping (37).....Mrs Oanh and Hoa (38)in the kitchen.Mrs Oanh is (39)the dishes. Hoa is cleaning the vegetables.They are cooking the lunch. They are going to (40)a good lunch together.

VIII. Sắp xếp những từ sau thành câu có nghĩa (2đ)

41. small / thin / sister / white / and / his / lips / teeth / has .

42. Brown's / round / Mrs / or / is / oval / face ?

43. coffee / aren't / some / but / there / is / any / apples / there / iced.

44. like / I / wouldn't / because / bread / not / I'm / hungry.

45. your / drink / brother's / what / favorite / is ?

46. a / is / Lan's house / garden / there / big / behind.

47. Ho Chi Minh City / Mrs Oanh / do / family / to / how / and / travel / her ?

48. walking / their / moutain / go / the / they / house / often / in / near.

IX. Dùng từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh (2,5 đ)

49. Mrs Hue / children / eating / breakfast / foodstall.

50. your / brother / play / volleyball / yard / now ?

51. Mr / Mrs Thu / travel / work / car / everyday.

52. Nam / friends / go / school / now .

53. Every / afternoon / school / Ba / housework / and / listen / music.

X. Dùng từ gợi ý ở đầu câu thứ hai viết lại câu thứ nhất sao cho nghĩa không thay đổi (2,5 đ) .

54. The garden is behind Nam's classroom.

Nam's classroom

55. Tom drives to work every morning .

Tom travels

56. There are four people in her family

Her family

57. He goes to work at seven fifteen.

He goes to work at a

58. This box has twelve packets of tea.

There

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2010 – 2011

MÔN TIẾNG ANH LỚP 6

Tổng điểm : 20